TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 31-01-2024.
"V/v Ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Ph và bà Lê Thị B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Vạn Thế**.

Bà **Nguyễn Thị Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2023, về "*Tranh chấp về ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 138A, ấp N, xã LB, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 138A, ấp H, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

** Ông Ph và bà B có đơn xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày:

Về hôn nhân: Ông Ph với bà Lê Thị B tự quen biết và sống chung như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay; giữa ông Phái và bà B không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2009, thì ông Ph và bà B thường phát sinh mâu thuẫn, cải nhau; bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau; ông Ph đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng để vợ chồng cùng nhau

xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng hai bên vẫn không thể sống chung được nên ông Ph đã ly thân bà B từ năm 2010 cho đến nay. Ông Ph nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với bà B được nữa, nay ông Ph yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị B.

Về con chung: Ông Ph và bà B có hai con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/9/1996 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 11/7/1998. Hiện chị H, anh Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Ph có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, do ông bận đi làm thuê nên không tham dự phiên tòa được.

Bị đơn bà Lê Thị B vắng mặt nhưng có ý kiến theo biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2023 như sau:

Về hôn nhân: Bà B thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ph về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông Ph được nữa. Nay bà B đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Bà B với ông Ph có hai con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/9/1996 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 11/7/1998. Hiện chị H, anh Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, do bà bận giữ trẻ thuê nên không tham dự phiên tòa được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử: Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Ph với bà Lê Thị B là quan hệ vợ chồng. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/9/1996 và anh Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 11/7/1998 đã trưởng thành nên ông Ph và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc ông Nguyễn Văn Ph xin ly hôn bà Lê Thị B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Ph và bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bà B có địa chỉ thường trú tại ấp HN, xã LB, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph và bị đơn bà Lê Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Theo ông Ph trình bày vợ chồng ông Ph và bà B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay; giữa ông Ph với bà B không có đăng ký kết hôn cũng được bị đơn bà Lê Thị B thừa nhận đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Ph và bà B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, ông Ph cho rằng ông đã nhiều lần yêu cầu bà B đến Ủy ban xã LHB đăng ký kết hôn theo quy định nhưng bà B không đồng ý; lời trình bày của ông Ph phù hợp với lời khai của bà B; mặt khác bà B thống nhất thời gian chung sống và phát sinh mâu thuẫn, hiện nay bà B đã ly thân như nguyên đơn trình bày . Tuy nhiên, việc ông Ph và bà B không tiến hành đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông Ph và bà B không được pháp luật công nhận vợ chồng và không được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Từ điều luật dẫn giải nêu trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Ph là phù hợp với Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Văn Ph với bà Lê Thị B là quan hệ vợ chồng là phù hợp khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Ông Ph và bà B có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/9/1996 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 11/7/1998. Hiện chị H, anh

Q đã trưởng thành nên ông Ph và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Do ông Ph và bà B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph.

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Ph và bà Lê Thị B.

3. Về nuôi con chung: Ông Ph và bà B có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1996 và Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1998. Hiện chị H, anh Q đã trưởng thành; ông Ph và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Ph và bà B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003899 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Lê Thị B vắng mặt tại phiên tòa nên ông Ph và bà B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ cho ông Ph và bà B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Mân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vạn Thế **Nguyễn Thị Phượng** **Nguyễn Văn Mân**